

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐOAN HÙNG  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS- ST  
Ngày: 15- 3- 2019.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Minh Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Đức Hữu

Ông Nguyễn Tuấn Chiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Lan- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLST- HS ngày 10 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 02 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB- TA ngày 08 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn B- sinh ngày 01 tháng 10 năm 1981 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L3 sinh năm 1960 và bà Cao Thị K1 sinh năm 1961; có vợ là Ban Thị N2 sinh năm 1980 và 03 con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại. Có mặt.

2. Hà Trọng S- sinh ngày 25 tháng 10 năm 1969 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị L4 sinh năm 1925; có vợ là Cao Thị H6 sinh năm 1971 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2002); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018, hiện tại ngoại. Có mặt.

3. Cao Văn T- sinh năm 1952 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn Th1 và bà Hoàng Thị X1 (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị Th2 sinh năm 1952 và 06 con (lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1985); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018, hiện tại ngoại. Có mặt.

4. Hà Trọng N- sinh ngày 14 tháng 6 năm 1977 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Hà Ngọc A; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Quý Nh sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị H7 sinh năm 1939; có vợ là Hà Thị L5 sinh năm 1978 và 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018, hiện tại ngoại. Có mặt.

5. Hà Văn Q- sinh ngày 19 tháng 5 năm 1980 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu T6, thị trấn Đ2, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T9 (tên gọi khác: Hà Văn Đ3) sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị M sinh năm 1955; có vợ là Trần Thị T11 sinh năm 1987 và 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2008/HSST ngày 22/8/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2018/HS-ST ngày 29/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” (Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/9/2018 đến ngày 11/10/2018). Hà Văn Q đi chấp hành án ngày 19/02/2019.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án này; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Phú Thọ (Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 66/2018/HS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang, Quyết định ủy thác thi hành án hình sự số: 192/2018/QĐ-CA ngày 05/12/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang và Quyết định thi hành án hình phạt tù số: 25/2019/QĐ-CA ngày 28/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ). Có mặt.

6. Đặng Sỹ N1- sinh ngày 05 tháng 3 năm 1985 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 7, xã P, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân V1 sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T8 sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Thị L3 sinh năm 1988 và 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018, hiện tại ngoại. Có mặt.

7. Phùng Quang T1- sinh ngày 15 tháng 10 năm 1980 tại huyện T4, tỉnh Vĩnh Phúc; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký HKTT: Thôn L7, xã H11, huyện T4, tỉnh Vĩnh Phúc; tạm trú tại: Thôn 3, xã H5, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Quang Th3 sinh năm 1958 và bà Hạ Thị Q1 sinh năm 1959; có vợ là Nguyễn Thị H8 sinh năm 1982 và 02 con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại. Có mặt.

8. Hoàng Văn B1- sinh ngày 09 tháng 9 năm 1989 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 2, xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C (đã chết); và bà Hà Thị D3 sinh năm 1968; có vợ là Trần Thị C1 sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018, hiện tại ngoại. Có mặt.

9. Phan Văn T2- sinh ngày 29 tháng 9 năm 1983 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 4, xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L4 sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H9 sinh năm 1954; có vợ là Hà Thị Mai Th4 sinh năm 1985 và 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2010);

Tiền án:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 03/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” (số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng).

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 27/6/2017, bị Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp với hình phạt tại Bản án án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 03/5/2017, buộc T2 phải chấp hành hình phạt chung là 06 tháng tù (số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng). Ngày 21/8/2017 T2 chấp hành án xong.

Tiền sự: Không

Về nhân thân:

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2014/HSST ngày 01/07/2014, bị Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng). Tháng 01/2015 T2 thi hành xong.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2016/HSST ngày 25/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung: 3.000.000 đồng (số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng). Phan Văn T2 kháng cáo. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 22/2016/HSPT ngày 13/4/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tuyên miễn trách nhiệm hình sự đối với T2. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 107/2017/HS- GĐT ngày 28/4/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xác định T2 đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên không thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, do vậy đã hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 22/2016/HSPT ngày 13/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và giao cho Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm lại. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 37/2018/HS- PT ngày 30/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm, quyết định giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2016/HSST ngày 25/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang, xử phạt Phan Văn T2 03 tháng tù và phạt bổ sung 3.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Phan Văn T2 đi chấp hành án ngày 20/02/2019.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án này; Hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Phú Thọ (Theo Bản án hình sự phúc thẩm số: 37/2018/HS- PT ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Quyết định ủy thác thi hành án hình sự số: 172/2018/QĐ- CA ngày 14/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang và Quyết định thi hành án hình phạt tù số: 24/2019/QĐ- CA ngày 28/01/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ). Có mặt.

10. Bùi Quốc L- sinh ngày 04 tháng 02 năm 1985 tại huyện S1, tỉnh Tuyên Quang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn T12, xã V, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T10 sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Th5 sinh năm 1963; có vợ là Kiều Thị H10 sinh năm 1987 và 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2014/HSST ngày 01/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 08 tháng tù về tội “Đánh bạc” (03 lần đánh bạc, mỗi lần số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng). Ngày 27/4/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Tại bản án hình sự sơ thẩm số 04/2016/HSST ngày 25/01/2016, bị Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc” (số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng). Ngày 16/8/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/02/2019 (trong vụ án khác do Cơ quan CSĐT Công an huyện S1, tỉnh Tuyên Quang khởi tố, điều tra), hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh tuyên Quang. Có mặt.

11. Phan Văn L1- sinh ngày 11 tháng 9 năm 1991 tại huyện S1, tỉnh Tuyên Quang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Xóm N3, xã Đ3, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Không rõ; mẹ đẻ: Phan Thị N5 sinh năm 1957; có vợ là Nguyễn Thị U sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2015/ HSST ngày 29/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm tù về tội “Đánh bạc” (02 lần đánh bạc, mỗi lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng). Phan Văn L1 kháng cáo. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 36/2015/HSPT ngày 29/7/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa một phần bản án số 53/2015/ HSST ngày 29/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện S1, xử phạt L1 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Phan Văn L1 chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/3/2016.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2018/HS- ST ngày 07/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” (thời điểm phạm tội ngày 27/3/2018, số tiền đánh bạc trên 5.000.000 đồng). Bị cáo đi chấp hành án ngày 22/01/2019.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án này; hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Quyết Tiến, Cục V26, Tổng cục VIII, Bộ Công an (Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2018/HS-ST ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang và Quyết định thi hành án hình phạt tù số: 207/2018/QĐ- CA ngày 14/12/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

12. Hà Huy K- sinh ngày 15 tháng 5 năm 1975 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 12, xã Đ, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Ngọc O sinh năm 1932 và bà Hà Thị Kh sinh năm 1932; có vợ là Hoàng Thị T11 sinh năm 1981 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Tại Quyết định số 231 ngày 25/7/2014, bị Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.250.000 đồng. Hà Huy K đã chấp hành xong ngày 13/8/2014.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2014/HS- ST ngày 29/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 5.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” (số tiền đánh bạc dưới 5.000.000 đồng). Ngày 18/11/2014 Hà Huy K đã thi hành án xong.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại. Có mặt

13. Hà Văn T3- sinh ngày 05 tháng 8 năm 1987 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 12, xã Đ, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn L5 và bà Hà Thị L6 (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị V3 sinh năm 1990 và 03 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại. Có mặt

14. Hà Huy D- sinh ngày 15 tháng 10 năm 1977 tại huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn 12, xã Đ, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng) con ông Hà Văn B2 và bà Hà Thị N6 (đều đã chết); có vợ là Trương Thị V2 sinh năm 1977 và 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại. Có mặt

15. Phan Văn D1- sinh ngày 01 tháng 10 năm 1984 tại huyện S1, tỉnh Tuyên Quang; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã V, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn D4 (đã chết) và bà Đinh Thị Đ4 sinh năm 1966; có vợ là Đặng Thị N7 sinh năm 1986 và 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại. Có mặt

\* Người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lại Đăng T7- sinh năm 1972

Trú tại: Khu 8, xã N4, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Phan Anh Q- sinh năm 1987

Trú tại: Thôn 2, xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ.

3. Anh Nguyễn Tiến X- sinh năm 1975

Trú tại: Thôn Đ5, xã H3, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang.

4. Anh Vũ Văn H- sinh năm 1965

Trú tại: Thôn 2, xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ.

5. Anh Hoàng Văn H1- sinh năm 1971

Trú tại: Thôn D2, xã V, huyện S1, tỉnh Tuyên Quang.

\* Người làm chứng:

1. Chị Ban Thị N2- sinh năm 1980

Trú tại: Thôn 2, xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Nguyễn Văn L2- sinh năm 1973

Trú tại: Thôn 9, xã H5, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ.

3. Anh Nguyễn Văn H2- sinh năm 1979

Trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ.

4. Anh Phan Văn T5- sinh năm 1986

Trú tại: Thôn 4, xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ.

(Những người có quyền lợi, N vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đều vắng mặt).

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 29/8/2018, Hà Trọng S, Hoàng Văn B1, Hà Huy D đến nhà Nguyễn Văn B xem bóng đá. B mời mọi người ở lại ăn cơm, uống rượu. Sau đó có Đặng Sỹ N1, Hà Trọng N đến chơi uống nước tại nhà B. Sau khi ăn cơm uống rượu xong, S, B1, N, N1 rủ nhau đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa”, được thua bằng tiền tại bếp nhà B và B đồng ý. S dùng kéo cắt 04 quân bài hình tròn, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long; N lấy 02 chiếu cói trải xuống nền bếp. S lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ rồi cùng B1 và N1 ngồi xuống chiếu đánh bạc, N ngồi xem không tham gia. Tiếp theo có Phùng Quang T1, Hà Văn Q và Nguyễn Văn L2 cùng đến nhà B. Q và T1 tham gia đánh bạc, L2 đứng xem. Hà Huy D sau khi uống rượu xong cũng xuống bếp đánh bạc cùng mọi người. Quá trình đánh bạc, Q thắng bạc nên cho N vay 2.000.000 đồng để N đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Q bị thua hết tiền nên về trước. Sau đó, Hà Văn T3; Hà Huy K; Phan Văn T2; Bùi Quốc L; Phan Văn L1; Phan Văn D1, Cao Văn T đến nhà B và cùng tham gia đánh bạc. Hình thức chơi như sau: S là người cầm cái, đặt 04 quân bài lên mặt đĩa sứ, úp bát sứ vào xóc vài lần rồi đặt xuống chiếu, những người chơi đặt cửa chẵn hoặc lẻ, sau đó S mở bát ra, tùy vào màu quân bài trên đĩa để xác định thắng thua. Quy ước nếu 02 hoặc 04 mặt quân bài cùng màu là chẵn thì người đặt cửa chẵn thắng; 03 mặt quân bài cùng màu là lẻ thì người đặt cửa lẻ thắng. Những người chơi tính thắng thua với S, người thắng được S trả tiền bằng mức đã đặt cược, thua thì S được tiền người chơi đặt. Mỗi ván người chơi đặt cược

tùy ý, không quy định mức tối đa và tối thiểu. Quá trình đánh bạc, những người chơi tự nộp tiền hồ cho S để S nộp cho B. Số tiền của từng người mang theo và sử dụng đánh bạc cụ thể như sau:

- Hà Trọng S đem theo 7.250.000 đồng, nộp tiền hồ 50.000 đồng, sử dụng 7.200.000 đồng đánh bạc, bị thua 1.650.000 đồng, còn lại 5.550.000 đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Đặng Sỹ N1 đem theo 600.000 đồng, nộp tiền hồ 100.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng đánh bạc, thua 100.000 đồng, còn lại 400.000 đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Cao Văn T đem theo 10.000.000 đồng, nộp tiền hồ 50.000 đồng, sử dụng 9.950.000 đồng đánh bạc, thua 150.000 đồng, còn lại 9.800.000 đồng giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- Hoàng Văn B1 đem theo 500.000 đồng, nộp tiền hồ 100.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng đánh bạc, tiền để trên chiếu bị thu giữ, không rõ thắng thua.

- Hà Văn Q đem theo 800.000 đồng, nộp tiền hồ 100.000 đồng, sử dụng 700.000 đồng đánh bạc, quá trình đánh bạc đã thắng bạc, nên cho Hà Trọng N vay 2.000.000 đồng, sau đó bị thua hết tiền.

- Hà Trọng N vay của Hà Văn Q 2.000.000 đồng, nộp tiền hồ 100.000 đồng, sử dụng 1.900.000 đồng đánh bạc, tiền để trên chiếu bị thu giữ, không rõ thắng thua.

- Phùng Quang T1 đem theo và sử dụng 600.000 đồng đánh bạc, thắng 700.000 đồng. Số tiền dùng đánh bạc và thắng bạc tổng cộng là 1.300.000 đồng T1 chưa nộp cho Cơ quan điều tra.

- Hà Văn T3 đem theo và sử dụng 200.000 đồng đánh bạc, bị thua hết tiền.

- Phan Văn T2 đem theo 200.000 đồng, nộp tiền hồ 50.000 đồng, sử dụng 150.000 đồng đánh bạc, bị thua hết tiền.

- Bùi Quốc L đem theo và sử dụng 200.000 đồng đánh bạc, không thắng, không thua.

- Hà Huy D đem theo 220.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng đánh bạc, thua hết, còn 20.000 đồng để trong túi quần không sử dụng đánh bạc.

- Phan Văn D1 đem theo và sử dụng 100.000 đồng đánh bạc, bị thua hết tiền.

- Phan Văn L1 đem theo và sử dụng 100.000 đồng đánh bạc, bị thua hết tiền.

- Hà Huy K đem theo 200.000 đồng, nộp tiền hồ 50.000 đồng, sử dụng 150.000 đồng đánh bạc, bị thua hết tiền.

Nguyễn Văn B đồng ý cho những người trên đánh bạc tại nhà mình và thu tổng cộng 600.000 đồng tiền hồ, trong đó S thu của một số người được 500.000 đồng đưa cho B và Q trực tiếp đưa cho B 100.000 đồng.

Khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, trong khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị tổ công tác Công an huyện Đoan Hùng kiểm tra, phát hiện và lập biên bản đối với 05 người là Cao Văn T, Hà Trọng S, Hà Trọng N, Đặng Sỹ N1 và Hoàng Văn B1, những người khác bỏ chạy, sau đó đã đến Công an huyện Đoan Hùng làm việc.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT- VKSDH ngày 05/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng đã truy tố Nguyễn Văn B về tội: “Gá bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; truy tố: Cao Văn T, Hà Trọng S, Hà Trọng N, Hà Văn Q, Đặng Sỹ N1, Phùng Quang T1, Hoàng Văn B1, Hà Văn T3, Hà Huy D, Phan Văn T2, Bùi Quốc L, Phan Văn D1, Phan Văn L1 và Hà Huy K về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội: “Gá bạc”

Các bị cáo: Cao Văn T, Hà Trọng S, Hà Trọng N, Hà Văn Q, Đặng Sỹ N1, Phùng Quang T1, Hoàng Văn B1, Hà Văn T3, Hà Huy D, Phan Văn T2, Bùi Quốc L, Phan Văn D1, Phan Văn L1 và Hà Huy K phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Văn T2 từ 09 đến 12 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (Ba) tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000 đồng tại Bản án số: 37/2018/HS- PT ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, buộc Phan Văn T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 12 đến 15 tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000 đồng. Trừ cho bị cáo thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước từ ngày 20/02/2019 đến ngày 14/3/2019. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (15/3/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Văn Q từ 06 đến 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số: 66/2018/HS- ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang, buộc Hà Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 12 đến 15 tháng tù. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giam của bản án trước từ ngày 01/9/2018 đến ngày 11/10/2018 và thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước từ ngày 19/02/2019 đến ngày 14/3/2019. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (15/3/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Văn L1 từ 06 đến 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số: 73/2018/HS- ST ngày 07/11/2018 của

Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang, buộc Phan Văn L1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 12 đến 15 tháng tù. Trừ cho bị cáo thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước từ ngày 22/01/2019 đến ngày 14/3/2019. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (15/3/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Bùi Quốc L từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Cao Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, p, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Trọng S từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Huy K từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 322, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn B từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Đặng Sỹ N1 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ (từ 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018), quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Văn B1 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ (từ 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018), quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Phùng Quang T1 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Trọng N từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ (từ 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018), quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Huy D từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Văn D1 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Văn T3 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo Hà Huy D, Phan Văn D1, Hà Văn T3 phải nộp khoản tiền phạt một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

\* Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 19.650.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Truy thu của Phùng Quang T1: 1.300.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

\* Trả lại cho:

- Hà Trọng S: 01 xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 19K3- 2046; 01 điện thoại di động Nokia 225 lắp sim số 01638349738.

- Đặng Sỹ N1: 01 xe mô tô Majesty biển kiểm soát 22H6- 1482.

- Hà Trọng N: 01 xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 19E1- 002.55; 01 điện thoại di động SamSung Galaxy S6 lắp sim số 0963422999.

- Phùng Quang T1: 01 xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 88K1- 173.97.

- Hà Văn T3: 01 xe mô tô Drin biển kiểm soát 19H5- 7601

- Bùi Quốc L: 01 xe mô tô Honda Blade biển kiểm soát 22B2- 218.74.

- Hà Huy D: 01 xe mô tô Honda Wave S, biển kiểm soát 19E1- 041.85.

- Phan Văn L1: 01 xe mô tô Weal biển kiểm soát 22H2- 4453.

- Hà Huy K: 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 14H8- 1710

- Nguyễn Văn B: 01 xe mô tô Wait biển kiểm soát 19K6- 7856.

- Hoàng Văn B1: 01 điện thoại di động Iphone 5s lắp sim số 0962482889.

\* Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, 04 quân bài hình tròn (Làm từ vỏ bao thuốc lá), 02 chiếc chiếu cói, 20 mảnh vỡ của bát, đĩa sứ.

(Các vật chứng nêu trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đuan Hùng quản lý).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc các bị cáo: Hà Trọng N, Hà Văn Q, Đặng Sỹ N1, Phùng Quang T1, Hoàng Văn B1, Hà Văn T3, Phan Văn T2, Hà Huy K mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Miễn án phí cho các bị cáo: Nguyễn Văn B, Cao Văn T, Hà Trọng S, Bùi Quốc L, Phan Văn D1, Phan Văn L1, Hà Huy D.

\* Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì.

\* Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Các bị cáo: Phan Văn T2, Phan Văn L1, Hà Văn Q, Bùi Quốc L, Hà Văn T3 cùng có ý kiến: Bị cáo biết đánh bạc là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Hà Huy D có ý kiến: Do rượu chè, bị cáo đã vi phạm pháp luật, vi phạm những điều đảng viên không được làm, bị cáo rất ân hận. Mong Hội đồng xét xử giúp đỡ để bị cáo trở thành người công dân tốt, người đảng viên tốt.

- Các bị cáo: Nguyễn Văn B, Cao Văn T, Hà Trọng S, Hà Trọng N, Đặng Sỹ N1, Phùng Quang T1, Hoàng Văn B1, Phan Văn D1, Hà Huy K không có ý kiến gì.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong vụ án này, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng, lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra và vật chứng đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng từ 20 giờ đến 22 giờ 45 phút ngày 29/8/2018, Nguyễn Văn B đã có hành vi dùng nhà ở của mình tại thôn 2 xã P, huyện Đ2 cho 14 người gồm: Cao Văn T, Hà Trọng S, Hà Trọng N, Hà Văn Q, Đặng Sỹ N1, Phùng Quang T1, Hoàng Văn B1, Hà Văn T3, Hà Huy D, Phan Văn T2, Bùi Quốc L, Phan Văn D1, Phan Văn L1 và Hà Huy K đánh bạc dưới hình thức đánh “xóc đĩa”

được thua bằng tiền. Tổng số tiền những người trên sử dụng để đánh bạc là 22.350.000 đồng (trong đó thực tế có 20.450.000 đồng, còn 1.900.000 đồng Hà Trọng N dùng đánh bạc là vay từ tiền thắng bạc của Hà Văn Q). Nguyễn Văn B thu 600.000 đồng tiền hồ.

[3] Hành vi của Nguyễn Văn B đã phạm vào tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; hành vi của Cao Văn T, Hà Trọng S, Hà Trọng N, Hà Văn Q, Đặng Sỹ N1, Phùng Quang T1, Hoàng Văn B1, Hà Văn T3, Hà Huy D, Phan Văn T2, Bùi Quốc L, Phan Văn D1, Phan Văn L1 và Hà Huy K đã phạm vào tội “đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*

*2.....”.*

Điều 322 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.*

*a.....*

*b. Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên.*

*c. Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng một lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên.*

*.....”.*

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự, an toàn công cộng. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần phải xử nghiêm để giáo dục các bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và ngăn chặn, phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo:

Bốn bị cáo: Hà Văn Q, Phan Văn T2, Bùi Quốc L, Phan Văn L1 sử dụng số tiền để đánh bạc không lớn, nhưng có nhân thân xấu, đã từng bị kết án vẫn tiếp tục phạm tội, chứng tỏ khó cải tạo và coi thường pháp luật. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly đời sống xã hội một thời gian. Có xem xét các bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là khai báo thành khẩn, bị cáo L1 được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ là “Đầu thú” quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt. Phan Văn T2 bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự do phạm tội trong khi chưa được xóa án tích, nên mức án đối với T2 sẽ cao hơn Q, L và L1.

Q, T2 và L1 đang chấp hành án phạt tù theo các bản án của Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang và Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, nay lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có các bản án đó, nên trong vụ án này Hội đồng xét xử sẽ quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định của Bộ luật hình sự. Thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung.

Cao Văn T, Hà Trọng S sử dụng số tiền đánh bạc lớn nhất trong số các bị cáo; S còn là người chuẩn bị dụng cụ để đánh bạc và trực tiếp cầm cái; Hà Huy K sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc, nhưng đã từng bị kết án và đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép (tuy đã được xóa án tích và sau khi chấp hành xử phạt vi phạm hành chính đã đủ thời gian để được coi là chưa bị xử phạt) . Vì vậy cũng cần áp dụng hình tù đối với 3 bị cáo này. Tuy nhiên, Cao Văn T có 3 tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là người có công với cách mạng. Hà Trọng S có 3 tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, là người khuyết tật. Hà Huy K có 2 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Thành khẩn khai báo, bố đẻ là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Các bị cáo trên có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên có thể cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục.

Các bị cáo: Phùng Quang T1, Hoàng Văn B1, Đặng Sỹ N1, Hà Trọng N cùng được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn. Bố, mẹ đẻ của Hà Trọng N được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì và hạng Ba; bố đẻ Đặng Sỹ N1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, nên hai bị cáo này được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo trên có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền mỗi bị cáo sử dụng đánh bạc không lớn, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với T1, B1, N1, N là phù hợp.

Mức hình phạt đối với N sẽ cao hơn, do bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn T1, B1, N1.

N1, B1 và N đều bị Cơ quan điều tra tạm giữ 09 ngày. Thời gian đã bị tạm giữ này sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Ba bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc ít nhất (100.000 đồng, 200.000 đồng) là Phan Văn D1, Hà Huy D, Hà Văn T3. Các bị cáo này cùng được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn. Riêng Hà Huy D được áp dụng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do mẹ đẻ bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Vì vậy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt nhẹ nhất đối với 3 bị cáo này, mức phạt khởi điểm là thỏa đáng.

Đối với Nguyễn Văn B: Bị cáo phạm tội nghiêm trọng, nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuy nhiên, B có 02 tình tiết giảm nhẹ, đó là: Thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền B thu lợi bất chính không lớn, nên áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với B cũng đủ nghiêm khắc để bị cáo sửa chữa sai lầm.

[6] Các bị cáo đều làm ruộng và lao động tự do, thu nhập thấp, không có tài sản riêng nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc và nộp tiền hồ tổng cộng là 20.950.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); trong giai đoạn điều tra đã tạm giữ được 19.650.000 đồng, số tiền này cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Còn lại 1.300.000 đồng là tiền bị cáo T1 dùng đánh bạc và thắng bạc đến nay chưa nộp, cần truy thu.

- 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, 04 quân bài hình tròn (Làm từ vỏ bao thuốc lá), 02 chiếc chiếu cói, 20 mảnh vỡ của bát, đĩa sứ cần tịch thu tiêu hủy.

- Các tài sản đang tạm giữ của các bị cáo gồm 10 xe mô tô, 03 điện thoại di động không liên quan đến hành vi phạm tội, sẽ trả lại cho họ.

[8] Cơ quan điều tra đã tạm giữ, sau đó trả lại xe 05 mô tô của 05 người có mặt tại nhà Nguyễn Văn B tối 29/8/2018 nhưng không tham gia đánh bạc. Việc trả lại tài sản là đúng quy định của pháp luật, cần xác nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí.

Tuy nhiên, Bùi Quốc L, Phan Văn D1 là cá nhân thuộc hộ nghèo; Nguyễn Văn B, Phan Văn L1, Hà Huy D là cá nhân thuộc hộ cận nghèo; Cao Văn T là người cao tuổi; Hà Trọng S là người khuyết tật nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo: Hà Trọng N, Hà Văn Q, Đặng Sỹ N1, Phùng Quang T1, Hoàng Văn B1, Hà Văn T3, Phan Văn T2, Hà Huy K phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về trách nhiệm hình sự:

\* Về tội danh: Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội: “Gá bạc”

- Các bị cáo: Cao Văn T, Hà Trọng S, Bùi Quốc L, Phan Văn D1, Phan Văn L1, Hà Huy D, Hà Trọng N (tên gọi khác: Hà Ngọc A), Hà Văn Q, Đặng Sỹ N1, Phùng Quang T1, Hoàng Văn B1, Hà Văn T3, Phan Văn T2, Hà Huy K phạm tội: “Đánh bạc”.

\* Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Văn T2 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (Ba) tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000 đồng tại Bản án số: 37/2018/HS- PT ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, buộc Phan Văn T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (Mười lăm) tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000 đồng. Trừ cho bị cáo thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước từ ngày 20/02/2019 đến ngày 14/3/2019. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (15/3/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Văn Q 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số: 66/2018/HS- ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang, buộc Hà Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (Mười lăm) tháng tù. Trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giam của bản án trước từ ngày 01/9/2018 đến ngày 11/10/2018 và thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước từ ngày 19/02/2019 đến ngày 14/3/2019. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (15/3/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Văn L1 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số: 73/2018/HS- ST ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện S1, tỉnh Tuyên Quang, buộc Phan Văn L1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 15 (Mười lăm) tháng tù. Trừ cho

bị cáo thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án trước từ ngày 22/01/2019 đến ngày 14/3/2019. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (15/3/2019).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Bùi Quốc L 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Cao Văn T 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, p, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Trọng S 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Huy K 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 322, điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn B 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Cao Văn T, Hà Trọng S, Nguyễn Văn B cho UBND xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; giao Hà Huy K cho UBND xã Đ, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Nếu các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, Cao Văn T, Hà Trọng S, Hà Huy K, Nguyễn Văn B phải thực hiện các nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của Bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Đặng Sỹ N1 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ (từ 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018), quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (Năm) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Hoàng Văn B1 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ (từ 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018), quy đổi

thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (Năm) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Phùng Quang T1 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Trọng N 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 09 (chín) ngày đã bị tạm giữ (từ 30/8/2018 đến ngày 07/9/2018), quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Hà Trọng N, Hoàng Văn B1, Đặng Sỹ N1 cho UBND xã P, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ; giao Phùng Quang T1 cho UBND xã H5, huyện Đ2, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo T1, B1, N1, N.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Huy D: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Phan Văn D1: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt Hà Văn T3: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Các bị cáo Hà Huy D, Phan Văn D1, Hà Văn T3 phải nộp khoản tiền phạt một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- \* Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đang tạm giữ là 19.650.000 đồng (Mười chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Truy thu của Phùng Quang T1: 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

- \* Trả lại cho:

- Hà Trọng S: 01 xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 19K3- 2046; 01 điện thoại di động Nokia 225 lắp sim số 01638349738.

- Đặng Sỹ N1: 01 xe mô tô Majesty biển kiểm soát 22H6- 1482

- Hà Trọng N: 01 xe mô tô Honda Airblade biển kiểm soát 19E1- 002.55; 01 điện thoại di động SamSung Galaxy S6 lắp sim số 0963422999.

- Phùng Quang T1: 01 xe mô tô Honda Wave RSX biển kiểm soát 88K1- 173.97.

- Hà Văn T3: 01 xe mô tô Drin biển kiểm soát 19H5- 7601

- Bùi Quốc L: 01 xe mô tô Honda Blade biển kiểm soát 22B2- 218.74.

- Hà Huy D: 01 xe mô tô Honda Wave S, biển kiểm soát 19E1- 041.85

- Phan Văn L1: 01 xe mô tô Weal biển kiểm soát 22H2- 4453.

- Hà Huy K: 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển kiểm soát 14H8- 1710.

- Nguyễn Văn B: 01 xe mô tô Wait biển kiểm soát 19K6- 7856.

- Hoàng Văn B1: 01 điện thoại di động Iphone 5s lắp sim số 0962482889.

\* Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen; 04 quân bài hình tròn (Làm từ vỏ bao thuốc lá); 02 chiếc chiếu cói; 20 mảnh vỡ của bát, đĩa sứ.

(Các vật chứng nêu trên đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoàn Hùng quản lý).

\* Xác nhận: Cơ quan CSĐT- Công an huyện Đoàn Hùng đã trả cho:

- Anh Lại Đăng T7: 01 xe mô tô Honda Future biển kiểm soát 19E1- 205- 96.

- Anh Nguyễn Tiến X: 01 xe mô tô Wave biển kiểm soát 29M9- 3443.

- Anh Vũ Văn H: 01 xe mô tô Guida biển kiểm soát 22K1- 5457.

- Anh Hoàng Văn H1: 01 xe mô tô Honda Wave an pha biển kiểm soát 22B2- 005.23.

- Anh Phan Anh Q: 01 xe mô tô Honda Super Dream biển kiểm soát 22B1- 086.45.

(Có biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu lưu trong hồ sơ).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc các bị cáo: Hà Trọng N, Hà Văn Q, Đặng Sỹ N1, Phùng Quang T1, Hoàng Văn B1, Hà Văn T3, Phan Văn T2, Hà Huy K mỗi người phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Miễn án phí cho các bị cáo: Nguyễn Văn B, Cao Văn T, Hà Trọng S, Bùi Quốc L, Phan Văn D1, Phan Văn L1, Hà Huy D.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS huyện, tỉnh;
- Công an huyện Đoàn Hùng;
- Các bị cáo; người có QL, NVLQ;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Trại giam Quyết Tiến;
- Trại TG- CA tỉnh Phú Thọ;
- Trại TG- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS Đoàn Hùng;
- UBKT Huyện ủy Đoàn Hùng;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Minh Hòa**